**BÀI 2. NHỮNG Ô CỬA NHÌN RA CUỘC SỐNG**

**(TRUYỆN HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN)**

**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của truyện; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết được lỗi câu mơ hồ và đề xuất được cách sửa phù hợp.

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

- Cảm thông với những nỗi bất hạnh; trân trọng khát vọng, ước mơ đẹp đẽ của con người.

**PHẦN I. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Phong cách hiện thực**

Là phong cách nghệ thuật chú trọng việc khắc hoạ chính xác, tỉ mỉ những bức tranh chân thực về cuộc sống và môi trường xã hội với cảm hứng phê phán, bóc trần những mặt tiêu cực của thực tại. Đề tài gắn với cuộc sống hằng ngày, nhân vật thường điển hình cho một hoàn cảnh, một tính cách, một số phận trong xã hội.

**II. Tính chỉnh thể của tác phẩm**

Mỗi tác phẩm văn học là một hệ thống bao gồm hàng loạt yếu tố thuộc những bình diện khác nhau (đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, ngôn ngữ, chi tiết, sự kiện, nhân vật,...). Ở những tác phẩm có giá trị, sự kết hợp và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố này làm cho tác phẩm trở thành một chỉnh thể nghệ thuật mang tính thống nhất giữa nội dung thẩm mĩ và hình thức nghệ thuật.

**III. Sự kiện trong tác phẩm truyện**

Sự kiện trong tác phẩm truyện là những sự việc, biến cố quan trọng tác động đến nhân vật, tạo ra sự thay đổi của nhân vật, thúc đẩy cốt truyện phát triển. Sự kiện vừa phản ánh các mối quan hệ, xung đột xã hội vừa giúp bộc lộ tính cách và số phận nhân vật.

**IV. Các giá trị của tác phẩm văn học**

Văn học có ba giá trị chính là nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ.

1. Giá trị nhận thức thể hiện ở việc tác phẩm văn học mang đến cho bạn đọc những hiểu biết về tự nhiên, xã hội và về chính bản thân mình (tự nhận thức).

2. Giá trị giáo dục thể hiện ở khả năng hình thành nơi người đọc những phẩm chất đạo đức, có thể thay đổi thế giới quan, nhân sinh quan.

3. Giá trị thẩm mĩ của tác phẩm văn học thể hiện ở khả năng thoả mãn nhu cầu về cái đẹp, phát triển năng lực, thị hiếu về cái đẹp cho người đọc.

Các giá trị trên không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau và đều được thể hiện thông qua hình tượng và ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm văn học.

**PHẦN II. ĐỌC**

**VĂN BẢN 1. LÃO HẠC – NAM CAO**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả (sgk/39)**

Nam Cao là “nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ”.

**2. Tác phẩm**

- “Lão Hạc” là một truyện ngắn xuất sắc tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Nam Cao viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Xuất xứ: Tác phẩm được in trong Tuyển tập Nam Cao, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội.

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**1. Một số đặc điểm của truyện ngắn và tính chỉnh thể của tác phẩm**

**a. Ngôi kể. Điểm nhìn**

- Ngôi kể thứ nhất

- Điểm nhìn ông giáo :ông giáo là hàng xóm của lão Hạc, là người có học thức, hiểu biết, chân thành, tốt bụng và rất gần gũi với lão.

- Tác dụng của việc lựa chọn điểm nhìn này:

+ Toàn bộ cuộc đời lão Hạc hiện lên qua cái nhìn, cảm xúc và suy nghĩ của ông giáo, kể cả những hiểu lầm hoặc đánh giá lầm của chính bản thân ông về lão Hạc

+ Thể hiện rõ tính cách nhân từ, tốt bụng và những nỗ lực muốn thấu hiểu con người của ông giáo.

. Lần thứ nhất, lão Hạc sang nhà ông giáo kể về ý định bán chó, ông giáo nhớ lại những gì đã biết về con trai của lão và thấu hiểu sự yêu quý của lão dành cho con chó và ý định không muốn bán chó.

. Lần thứ hai, lão Hạc sang nhà ông giáo nói về việc đã bán chó và ý định gửi văn tự vườn cho ông giáo, sau đó ông thấy lão ăn uống kham khổ và từ chối mọi sự giúp đỡ của ông.

. Cuối cùng, nghe Binh Tư kể lão xin bả chó, ông hiểu lầm và thất vọng về lão Hạc. Khi chạy sang nhà lão Hạc chứng kiến cái chết đau đớn của lão, ông giáo mới hiểu và nhận ra cuộc đời không hẳn như ông nghĩ.

- Cuộc đời lão Hạc hiện lên trước mắt chúng ta qua lăng kính của ông giáo.Ông hiểu lầm về lão Hạc không chỉ một lần:

+ Thứ nhất, ông từng nghĩ “Lão quý con chó Vàng của lão đã thấm vào đâu so với tôi quý năm quyển sách của tôi…”, phải đến khi chứng kiến lão Hạc dằn vặt sau khi bán chó ông mới nhận ra “Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa”.

+ Thứ hai, ông từng nghĩ “Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết.” và phải đến khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc ông mới nhận ra “Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.”

🡪 Vòng lặp hiểu sai - nhận ra - hiểu sai - nhận ra đó cho ta thấy việc hiểu một con người khó khăn đến mức nào.

🡪 Việc lựa chọn điểm nhìn ngôi thứ nhất với ông giáo là người kể chuyện cho ta thấy đây không chỉ đơn giản là câu chuyện về một cuộc đời nghèo khổ nhưng lương thiện, mà còn là câu chuyện về hành trình gian nan để hiểu đúng về một con người.

**b. Cốt truyện. Tóm tắt nội dung truyện**

- Lão Hạc sang nhà ông giáo tâm sự về việc bán chó 🡪 Ông giáo thờ ơ nghĩ về năm quyển sách của mình và hồi tưởng về đứa con trai của lão Hạc đã đi phu ở Nam Kỳ 🡪 Ông giáo hiểu ra con chó là kỉ vật của đứa con, nên rất quý giá với lão Hạc.

- Lão Hạc sang nhà ông giáo tâm sự về việc đã bán chó 🡪 Ông giáo xót xa, đồng cảm với lão Hạc và không còn tiếc sách của mình 🡪 Lão Hạc ngỏ ý gửi vườn và một số tiền cho ông giáo để lo hậu sự cho mình 🡪 Từ đó, lão Hạc chỉ ăn khoai ráy và từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo.

- Ông giáo nghe Binh Tư nói về việc lão Hạc xin bả chó và thất vọng về con người lão Hạc 🡪 Ông giáo và người trong làng chứng kiến lão Hạc tự tử bằng bả chó 🡪 Ông giáo tự hứa sẽ giữ gìn mảnh vườn cẩn thận và giao lại cho con trai lão.

🡺Chuỗi sự kiện tạo nên cốt truyện này không đi theo trật tự thời gian thông thường, mà theo hành trình nhận thức của ông giáo về lão Hạc: từ thông cảm, chia sẻ, đến hiểu lầm và nhận ra sự thật cuối cùng về con người lão.

🡪 Cốt truyện của Nam Cao thường đi theo hành trình tâm lí nhân vật chứ không phải theo trật tự thời gian thông thường. Truyện Lão Hạc tiêu biểu cho đặc điểm này.

**c. Nhân vật. Những chi tiết tiêu biểu. Các sự kiện chính**

**\* Nhân vật Lão Hạc**

- Hoàn cảnh sống của Lão Hạc: Là nông dân ở một vùng nông thôn nghèo, người làng xung quanh đều vất vả kiếm sống, giành giật nhau từng công việc, kiếm tiền bằng những nghề lương thiện lẫn bất lương; từng có một gia đình hạnh phúc, tôn trọng và yêu thương nhau (người vợ vất vả làm lụng mua được mảnh vườn cho con, đứa con trai tôn trọng và nghe lời cha, lo lắng gửi lại tiền trước khi đi xa kiếm sống,…); vợ mất sớm, con đi xa, tuổi già neo đơn, chỉ còn một con chó bầu bạn.

- Tính cách:

+ Nhân hậu, giàu lòng yêu thương

. Lo lắng sắp xếp chu toàn mọi thứ cho cuộc đời con, không cho con bán vườn vì lo cho đời sống của con sau này.

. Nhìn con chó luôn nhớ đến con, trông ngóng thư con.

. Đau khổ vì sợ mất con khi con nộp thẻ đi phu.

. Giữ gìn mảnh vườn cho con, thà chết chứ không bán đi một sào.

. Chăm sóc con chó Vàng như con cháu mình (tắm rửa bắt rận, gọi “cậu”, tâm sự với nó như với cháu mình, cho ăn trong bát,…).

. Đau đớn, dằn vặt khi buộc phải bán con chó Vàng.

+ Giàu lòng tự trọng

. Dù nghèo đói nhưng vẫn tự chuẩn bị tiền lo hậu sự cho mình, không muốn phiền đến hàng xóm.

. Cương quyết không nhận sự giúp đỡ từ ông giáo.

. Chọn cái chết bằng bả chó để không làm phiền mọi người.

- Mối liên hệ giữa tính cách và hoàn cảnh: Hoàn cảnh gia đình khiến cho lão Hạc luôn muốn bảo vệ tâm nguyện của người vợ đã mất (giữ mảnh vườn cho con) và chăm lo cho đứa con độc nhất dù anh đã trưởng thành (lo lắng sắp xếp tương lai cho con); giữa làng xóm khốn khó, phức tạp, bon chen, lão Hạc luôn giữ tâm hồn lương thiện, trong sáng, lão tự trọng bao nhiêu thì cũng tôn trọng người khác bấy nhiêu (lão không muốn làm phiền ai và luôn nói về người khác bằng lời lẽ tôn trọng nhất có thể “gọi là của lão có tí chút còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả…”).

🡪 Nhân vật lão Hạc là điển hình của tầng lớp nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945: nghèo khổ, khốn cùng, bị đẩy vào hoàn cảnh buộc phải lựa chọn giữa một bên là hi sinh nhân cách và đạp lên người khác để có miếng ăn mà sống và một bên là chết để dành sự sống cho gia đình, người thân và bảo toàn lòng tự trọng.

**\* Nhân vật ông giáo**

* **Thái độ, tình cảm ông giáo qua diễn biến truyện và nhận thức**

- Khi nghe lão Hạc nói về việc bán chó: “*Trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi… Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế*” 🡪 Thờ ơ, không quan tâm.

- Khi nhớ lại nguồn gốc của con chó và hoàn cảnh của lão Hạc: *Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn mình nó để làm khuây 🡪* Cảm động, thấu hiểu.

- Khi lão Hạc nói đã bán chó: *Trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa 🡪* Xót xa, đồng cảm.

**-** Khi lão Hạc ăn khoai ráy qua ngày và từ chối sự giúp đỡ của ông giáo: *Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy và tôi cũng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng 🡪* Thương cảm cho lão Hạc xen lẫn trách móc lão quá tự ái và không hiểu mình.

- Khi nghe Binh Tư nói về việc lão Hạc xin bả chó: *Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết… Con người như thế ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn 🡪* Đau xót, thất vọng về lão Hạc và cuộc đời.

- Khi chứng kiến cái chết của lão Hạc: *Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác… Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt…🡪* Xúc động, đau buồn nhưng không còn thất vọng về lão Hạc và cuộc đời.

🡺Thái độ, tình cảm của ông giáo có những thay đổi qua diễn biến truyện:

*+ Thứ nhất,* về việc lão bán chó: Ban đầu ông giáo *thờ ơ, dửng dưng* khi lão Hạc nói sẽ bán chó vì theo ông đó chỉ là một con chó bình thường, không thể sánh với sách vở của ông (vì đó không chỉ là tài sản mà còn là kỉ niệm, ước mơ tuổi trẻ của ông). Nhưng sau khi nhớ lại nguồn gốc của con chó và tình cảnh của lão Hạc, ông *nhận ra* ý nghĩa của con chó đối với lão: nó là nguồn an ủi duy nhất của lão, là con, là cháu, là tất cả tình cảm mà lão có hiện nay 🡺 Vì thế, khi chứng kiến những giọt nước mắt của lão sau khi bán chó, ông giáo từ *thông cảm* đã đi đến *đồng cảm, đau xót* cho lão và không còn xót xa năm quyển sách của mình như trước.

*+ Thứ hai*, về việc lão ăn khoai ráy qua ngày và từ chối sự giúp đỡ của ông: Ban đầu ông giáo *trách móc* lão Hạc quá tự ái và không hiểu mình. Về sau, ông nhận ra chính mình mới là người không hiểu lão Hạc.

*+ Thứ ba*, về việc lão Hạc xin bả chó: Ban đầu ông giáo cũng nghĩ như Binh Tư và đau xót, thất vọng về lão Hạc vì nghĩ lão đã tha hoá. Ông đem chuyện lão Hạc từ chối sự giúp đỡ của mình kể cho Binh Tư mà quên mất rằng Binh Tư không phải là người có thể hiểu những gì ông nói, hắn quá xấu tính nên thường nghĩ ai cũng như mình.

*+ Cuối cùng*, khi chứng kiến cái chết của lão Hạc, ông nhận ra lão tự trọng hơn mình tưởng rất nhiều và tình cảm của lão với con chó Vàng cũng sâu sắc hơn ông tưởng (lão chọn cái chết bằng bả chó như một cách để tạ lỗi với con chó Vàng mà lão vẫn luôn đau xót, dằn vặt vì cho rằng mình lừa nó).

* **Thái độ, tình cảm ông giáo qua diễn biến nội tâm**

**-** Tâm trạng ông giáo diễn biến từ: thờ ơ, đồng cảm, đau xót, trách móc, thất vọng, trân trọng, xúc động, thương cảm.

- “*Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương..*.” đoạn độc thoại nội tâm 🡪 quan niệm của ông giáo về cách để hiểu đúng, hiểu sâu về người khác. Theo ông giáo, để hiểu đúng, hiểu sâu về người khác, ta cần có cả sự độ lượng, cảm thông lẫn sự nỗ lực không ngừng. Việc nhận thức đúng đắn về một con người đòi hỏi ta phải “cố”, phải luôn đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để thấu cảm cho tâm tư của họ và hơn nữa, phải luôn nhận thức lại, lật lại những gì mình đã biết về họ, vượt qua những thiên kiến có sẵn trong mình. Bởi con người là một thực thể không ngừng thay đổi nên chúng ta khó có thể có lời kết luận cuối cùng về một con người.

**2. Một số giá trị của tác phẩm văn học qua truyện ngắn Lão Hạc**

- Giá trị nhận thức: Nông thôn Việt Nam và đời sống người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Phơi bày hiện thực tăm tối và đời sống khốn cùng của người nông dân, nông thôn mất mùa, làng bị mất vé sợi, dân làng tranh nhau chút kế sinh nhai, thanh niên nông thôn nộp thẻ đi phu đồn điền thực dân Pháp…

- Giá trị giáo dục: bài học về sức mạnh của tình yêu thương và niềm tin vào bản chất lương thiện của người nông dân trong hoàn cảnh khốn cùng.

- Giá trị thẩm mỹ: vẻ đẹp phẩm chất cao quý của con người trong hoàn cảnh khốn cùng, vẻ đẹp tình người…

- Giá trị triết lí nhân sinh: đoạn trích lời ông giáo nói về cái nhìn có phần tàn nhẫn của vợ ông đối với lão Hạc. Bà chỉ thấy lão đáng phải chịu khổ vì lão có tiền mà không dám ăn, lại đem gửi sang nhà mình. Hơn nữa, bà quá lo lắng vì gia đình, con cái mình nên không thể quan tâm đến người khác nữa.

Tuy nhiên, vấn đề mà ông giáo đề cập đến có thể rộng lớn và giàu tính triết lí hơn nhiều: Để hiểu đúng, hiểu sâu về người khác, ta cần có cả sự độ lượng, cảm thông lẫn sự nỗ lực không ngừng.

“Nếu ta không cố tìm mà hiểu họ..." (lưu ý từ “tìm hiểu” được tách ra thành “tìm mà hiểu" để nhấn mạnh quá trình “tìm” rất dài và khó khăn trước khi đến với kết quả “hiểu”): Việc nhận thức đúng đắn về một con người đòi hỏi ta phải “cố”, phải luôn đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để thấu cảm cho tâm tư của họ, và hơn nữa, phải luôn nhận thức lại, lật lại những gì mình đã biết về họ, vượt qua những thiên kiến có sẵn trong mình. Bởi con người là một thực thể không ngừng thay đổi, chúng ta không bao giờ có thể có lời kết luận cuối cùng về một con người.

Thật sự ông giáo đã không ngừng vượt qua những thiên kiến bản thân để cố gắng thấu hiểu cho lão Hạc: ông đã vượt qua suy nghĩ chủ quan ban đầu của mình khi nghĩ con chó Vàng chỉ như một món tài sản, không so được với sách vở của ông, để thấu hiểu vì sao lão Hạc lại đau buồn khi phải bán chó. Nhưng cuối cùng, ông vẫn rơi vào sự hiểu lầm tai hại, chỉ vì vô tình chấp nhận cái nhìn hẹp hòi của Binh Tư về lão Hạc.

**3. Đặc điểm của phong cách hiện thực qua truyện ngắn Lão Hạc**

Truyện Lão Hạc viết về đề tài nông thôn Việt Nam và đời sống người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 với cảm hứng phơi bày hiện thực tăm tối và đời sống khốn cùng của người nông dân, từ đó ca ngợi sức mạnh của tình yêu thương và bản chất lương thiện của họ. Đề tài và cảm hứng này là biểu hiện của phong cách hiện thực.

Truyện Lão Hạc sử dụng một loạt những hình ảnh, chi tiết chân thực, xuất phát từ đời sống nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thời Nam Cao sống: nông thôn mất mùa, làng bị mất vé sợi, dân làng tranh nhau chút kế sinh nhai, thanh niên nông thôn nộp thẻ đi phu đồn điền thực dân Pháp, nhân vật điển hình cho tầng lớp nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945,... Những yếu tố này là biểu hiện của phong cách hiện thực.

**4. Tổng kết**

**VĂN BẢN: HAI ĐỨA TRẺ**

**Câu 1:**

**–** Tóm tắt nội dung câu chuyện:

Giới thiệu

– Liên và An xuất thân trong một gia đình công chức khá giả ở Hà Nội.

– Khi gia cảnh sa sút, hai chị em theo cha mẹ về sống ở một phố huyện nghèo và được mẹ giao cho trông coi một cửa hàng tạp hoá nhỏ.

Diễn biến

– Khi chiều xuống, Liên và An dọn cửa hàng. Liên cảm thấy lòng buồn man mác trước cảnh chiều tàn.

– Đêm xuống, chị em Liên lặng lẽ quan sát cuộc sống u buồn nơi phố huyện, xúc động và xót xa trước cuộc sống của các em bé nghèo, mẹ con chị Tí, gia đình bác xẩm, bà cụ Thi, bác phở Siêu,...

– Đến khuya, chị em Liên cố thức để chờ chuyến tàu đêm từ Hà Nội. Chuyến tàu gợi nhớ những kỉ niệm về tuổi thơ sung túc, tươi đẹp.

– Khi con tàu đi khuất, phố huyện lại chìm trong bóng tối.

– Hai đứa trẻ cũng chìm vào giấc ngủ.

Kết thúc

**–** Đặc điểm cách xây dựng cốt truyện:Truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, ít tình tiết, cũng không có nhiều cao trào, xung đột, chuỗi sự kiện cấu tạo nên cốt truyện không tập trung vào diễn biến hành động của nhân vật mà tập trung vào diễn biến cảm xúc, tâm lí nhân vật.

**Câu 2:**

– Bức tranh phố huyện được miêu tả theo trình tự thời gian:*Khi chiều về 🡪 Khi đêm xuống 🡪 Về khuya (khi đoàn tàu đêm đến và đi qua).*

**–** Thể hiện qua các chi tiết:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thời điểm*** | ***Chi tiết*** | ***Ý nghĩa*** |
| Chiều về | – Tiếng trống thu không, phương tây đỏ rực, mây ánh hồng, dãy tre đen lại, tiếng ếch nhái vọng vào,…  – Các nhà lên đèn, chợ vãn, mùi ẩm của đất  – Những đứa trẻ nghèo nhặt nhạnh những thứ đồ bỏ đi  – Chị Tí dọn hàng nước dù không bán được bao nhiêu, Liên đóng cửa hàng và kiểm số tiền ít ỏi  – Cụ Thi mua cốc rượu, vừa uống vừa cười khanh khách | – Bức tranh phố huyện với những chi tiết, hình ảnh đối lập (*bóng tối* – *ánh sáng, tĩnh lặng* – *huyên náo, trầm mặc* – *biến động, dài lâu –* *khoảnh khắc, hiện tại* – *quá khứ):* gợi tả cuộc sống tối tăm, lay lắt, lụi tàn và những ước mơ thầm kín không bao giờ tắt của những kiếp người nghèo khổ. Dù bị bóng tối của đói nghèo bủa vây, họ vẫn luôn nuôi dưỡng khát vọng đổi đời, vươn ra ánh sáng.  – Bức tranh hiện lên qua đôi mắt của hai đứa trẻ vốn đã trải qua một tuổi thơ sung túc, cho thấy sự ngây thơ, nhân hậu, thuần khiết của hai đứa trẻ (Trước cảnh vật mòn mỏi tiêu điều, tâm hồn nhạy cảm của Liên cảm thấy một nỗi buồn man mác; trước những cảnh đời nghèo khổ, tối tăm, Liên động lòng, xót xa, thương cảm). Dù sống trong đói nghèo, nhưng tình yêu thương chưa bao giờ tắt nơi phố huyện. |
| Đêm xuống | – Đường phố, các ngõ con chứa đầy bóng tối  – Ánh sáng của các khe cửa hẹp, sao trời, đom đóm, ngọn đèn hàng nước chị Tí, bếp lửa hàng phở bác Siêu,…  – Tiếng đàn bầu của vợ chồng bác xẩm, đứa con bò nghịch rác |
| Đoàn tàu đêm đến và đi qua | – Đèn ghi như ngọn lửa xanh biếc, khói bốc lên  – Tiếng còi tàu kéo dài, tiếng bánh xe, tiếng hành khách  – Đèn sáng trưng trên các toa, đồng và kền lấp lánh, cửa kính sáng, người lố nhố  – Những đốm than đỏ trên bánh xe, ánh đèn trên toa xe sau cùng  – Tiếng tàu nhỏ dần, chỉ còn ánh sao, tiếng trống cầm canh, tiếng chó sủa |

**Câu 3:**

– Ngôi kể: ngôi thứ ba; điểm nhìn: ngôi thứ ba hạn tri (từ nhân vật Liên).

– Tác dụng: (1) giúp các sự kiện, chi tiết trong truyện hiện lên qua cái nhìn của nhân vật Liên một cách chân thật và đầy cảm xúc; (2) giúp thể hiện rõ tính cách và tâm hồn Liên: ngây thơ, thuần hậu và trong sáng, nhân hậu và thấu cảm với những cảnh đời nghèo khổ, tinh tế và nhạy cảm trước mọi biến động của cảnh vật; (3) duy trì sự khách quan tương đối của lời kể.

**Câu 4:**

**a. Một số câu văn, đoạn văn có kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm và phân tích ý nghĩa**:

– *Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen;… nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.*

*– An và Liên lặng ngước mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông … về quầng sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tí.*

*– Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ... Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.*

*– Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình mờ đi trong mắt chị … mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.*

***Ý nghĩa****:* Những câu/ đoạn này chứa đựng cả ***sự kiện*** (buổi chiều chuyển về tối, Liên không hiểu…, hình ảnh trời sao làm hai đứa trẻ choáng ngợp,…), ***cảnh vật*** (bóng tối, ngày tàn, vũ trụ bao la,…) và ***cảm xúc*** (nỗi buồn, sự an tĩnh, những cảm xúc mơ hồ, lắng đọng,…). Trong các truyện ngắn thông thường, các câu/ đoạn thường tập trung kể lại sự kiện và cảnh vật, nhưng trong truyện ngắn này, các câu/ đoạn không chỉ nói về sự kiện, cảnh vật, mà chủ yếu tập trung vào cảm xúc của nhân vật trước sự kiện và cảnh vật đó. Ngay cả các sự kiện ở đây cũng thiên về sự kiện của suy nghĩ, tình cảm chứ không phải là các sự kiện của hành động, biến cố. 🡪 Diễn biến truyện chậm lại và hầu như không có xung đột, cao trào. Sự kết hợp nhiều yếu tố trong một câu/ đoạn khiến cho diễn biến sự kiện và hành động mờ đi, nhường chỗ cho diễn biến tâm lí và cảm xúc của nhân vật.

b. Một số hình ảnh, chi tiết xuất hiện nhiều lần trong VB:

– *Tiếng trống*: “Tiếng trống thu khôngtrên cái chợ của huyện nhỏ; từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều”, “Trống cầm canhở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối”, “chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn”.

– *Sự tĩnh lặng*: “Mấy tiếng đàn bầu bần bật trong yên lặng”, “Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố”, “và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng”.

– *Bóng tối*: “Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve”, “đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần”, “những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối”, “Trời nhá nhem tối”, “cụ đi lần vào bóng tối”, “Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối”, “Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng”, “Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh”.

– *Ánh đèn*: “Đèn treo trong nhà bác phở Mĩ, đèn Hoa Kì leo lét trong nhà ông Cửu và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách”, “ngọn đèn con của chị Tí và cái bếp lửa của bác Siêu chiếu sáng một vùng đất cát”, “ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ”,…

– *Ánh sao và ánh đom đóm*: “hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay leo vào cành cây”, “Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh, một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy”, “Sao trên trời vẫn lấp lánh”.

– *Đoàn tàu*: “Chín giờ có chuyến tàu ở Hà Nội đi qua huyện”, “Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé”, “Tiếng còi đã rít lên và tàu rầm rộ đi tới”,…

– *Hà Nội*: “Khi ở Hà Nội được hưởng những thức quà ngon, lạ”, “Hà Nội nhiều đèn quá!” “Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo”.

**🡪** Nhiều chuỗi hình ảnh được xây dựng theo thủ pháp đối lập: âm thanh – yên lặng, ánh sáng – bóng tối, quá khứ (Hà Nội) – hiện tại (phố huyện),…

*Ý nghĩa:*

**–** Sự đối lập của chuỗi hình ảnh tượng trưng cho sự đối lập giữa một bên là cuộc sống vật vờ, tối tăm, tù túng của người dân nghèo phố huyện và một bên là những khao khát, ước mơ vươn tới một cuộc sống tốt đẹp hơn.

– Hình ảnh đoàn tàu mang thứ ánh sáng rực rỡ và âm thanh huyên náo nhất trong câu chuyện, nhưng cũng là thứ ánh sáng và âm thanh không thuộc về phố huyện nghèo mà nhanh chóng, vội vã đến và đi trong phút chốc. Nó như là biểu tượng cho một Hà Nội lộng lẫy; cho quá khứ lung linh của Liên và An; cho một ước mơ, khao khát của hai chị em về tương lai.

**Câu 5:** *Hai đứa trẻ* vừa được viết theo phong cách lãng mạn, vừa được viết theo phong cách hiện thực vì có những căn cứ sau:

– Đề tài và cảm hứng: Thạch Lam vừa miêu tả khách quan hình ảnh cuộc đời của những người dân phố huyện lầm than, vừa thể hiện hình ảnh cuộc đời của những người dân phố huyện với cái nhìn và cách cảm nhận mang tính chủ quan, thể hiện thế giới nội tâm và những cảm xúc trong trẻo, trắc ẩn của Liên.

– Cách tổ chức hình ảnh, chi tiết, nhân vật: có những hình ảnh rực rỡ, bay bổng đại diện cho ước mơ, khát vọng như *đoàn tàu đêm*; có cả những hình ảnh chân thực, điển hình cho những cảnh đời có thực như *hàng nước chị Tí, bà cụ Thi hơi điên, những đứa trẻ nghèo,…*

Câu 6: Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ VB.

– *Giá trị nhân văn:* Tác phẩm khơi gợi sự thấu cảm và đồng cảm với những kiếp người nghèo khổ, lầm than, cơ cực và khơi gợi sự chia sẻ với ước mơ vươn ra ánh sáng, tìm đến một tương lai đẹp đẽ hơn của họ.

– *Giá trị thẩm mĩ:* Tác phẩm đánh thức cảm xúc thẩm mĩ bằng những trang văn dịu êm, nhẹ nhàng, giàu sức khơi gợi, những ngôn từ đẹp đẽ, tinh tế, giàu hình tượng, những bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp và những hình tượng nhân vật được xây dựng công phu với thế giới nội tâm sâu sắc.

**Câu 7:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên tác giả** | **Tên tác phẩm** | **Phong cách**  **lãng mạn** | **Phong cách**  **hiện thực** |
| Thạch Lam | *Dưới bóng hoàng lan, Nắng trong vườn,...* | x |  |
| Vũ Trọng Phụng | *Số đỏ, Giông tố,...* |  | X |
| Nam Cao | *Lão Hạc, Chí Phèo,...* |  | X |

**ĐỌC ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

***LÁ DIÊU BÔNG***

**Câu 1:** Hai đoạn thơ đầu có:

– Những hình ảnh (*váy Đình Bảng, đồng chiều, cuống rạ, chị thẩn thơ đi tìm, lá Diêu Bông*,…) và những từ ngữ chỉ trạng thái (*thẩn thơ, chau mày*) của “chị” cho thấy tâm tư khao khát tìm kiếm tình yêu, hạnh phúc của người chị.

– Những hình ảnh này hiện lên qua đôi mắt của chủ thể trữ tình “em”, cho ta thấy được cái nhìn chăm chú, dõi theo không rời của chủ thể trữ tình đối với “chị” 🡪 Thể hiện tình cảm ngây thơ trong sáng của một cậu bé mới lớn đối với người chị duyên dáng vùng Kinh Bắc quê nhà. Vì câu nói bâng quơ của “chị” mà “em” đã mải miết kiếm tìm chiếc lá Diêu Bông – một chiếc lá không có thực. Chị đố lá để tìm kiếm tình yêu, còn em tìm lá cũng là để theo đuổi tình yêu.

**Câu 2:**

– Biện pháp tu từ điệp cấu trúc và những hình ảnh, chi tiết đáng chú ý trong bốn đoạn thơ tiếp theo:

+ Phép điệp cấu trúc “… *Em tìm thấy lá*” kết hợp với sự liệt kê hàng loạt mốc thời gian cho thấy tuy thời gian thay đổi nhưng hành động không thay đổi 🡪 Đó là hành trình kiên trì, nhẫn nại theo đuổi tình yêu và hạnh phúc của chủ thể trữ tình, mặc dù chỉ là một hi vọng mong manh.

+ Phép điệp cấu trúc *Chị + “chau mày”/ “lắc đầu…”*: chủ thể không thay đổi nhưng hành động thay đổi, cho thấy những phản ứng của “chị” tăng tiến dần, ban đầu là từ chối chiếc lá của em (*chau mày đâu phải lá Diêu Bông*), sau đó từ chối trả lời (*lắc đầu trông nắng vãn bên sông*), từ chối cả câu đố năm nào (*cười xe chỉ ấm trôn kim*) và cuối cùng từ chối cả tiếp xúc với chủ thể trữ tình (*xoè tay phủ mặt Chị không nhìn*).

– Nhận xét về sự khác biệt trong phản ứng và cảm xúc của người chị qua các đoạn thơ: Khác với hành trình kiên trì đi tìm kiếm tình yêu, hạnh phúc của “em”, những lần phản ứng của “chị” là rất khác nhau, hé mở những thái độ, cảm xúc khác nhau và cũng gợi lên nhiều cách hiểu. Tuỳ góc nhìn, HS có thể hiểu và giải thích các phản ứng của chị theo nhiều cách, chẳng hạn:

+ (1): “Chị” chỉ nói đùa (vì biết rằng câu đố mình đưa ra là “bất khả giải”), nhưng “em” lại tin là thật, luôn hi vọng có được tình yêu và không ngừng ra đi tìm kiếm ảo ảnh, ảo vọng.

+ (2): Cả chị và em đều mong tìm được lá Diêu Bông, nhưng mỗi người hình dung về nó theo cách riêng và những chiếc lá em mang về đều không thoả được ước mong của chị.

+ (3): Như cách hiểu (2) và thêm: vì những một lí do nào đó (sự sắp đặt của cha mẹ, sự đưa đẩy của số phận,…), đã đến lúc chị buộc phải đi lấy chồng, không thể trông chờ em mải mê đi tìm lá.

+ ...

Nếu theo cách hiểu (2) – (3), phản ứng của chị sau mỗi lần em “tìm thấy lá” có thể hiểu: *Lần thứ nhất*, “chị chau mày” phủ nhận “đâu phải lá Diêu Bông”, phải chăng bởi chiếc lá em mang về quá sớm và không giống với hình dung của chị về nó? *Lần thứ hai*, “chị lắc đầu …”, lá tìm về vẫn chưa đúng, song có thể chưa hết hẳn hi vọng, phải chăng lòng chị vẫn khắc khoải mong chờ qua cái nhìn xa xăm “trông nắng vãn bên sông”? *Lần thứ ba*, “chị cười xe chỉ ấm trôn kim …” chắc vì bởi lí do nào đó, đã đến lúc chị buộc phải đi lấy chồng, không thể trông chờ em mải mê đi tìm lá? *Lần thứ tư*, “xoè tay phủ mặt … chị không nhìn”, phải chăng là bởi, giờ đây chiếc lá em tìm về dù đúng, dù sai thì cũng đã quá muộn. “Chị không nhìn” bởi không còn dám mơ tưởng đến điều gì khác nữa hay chị đã hiểu rằng trong thực tế, cả tình yêu lẫn hạnh phúc không hẳn giống với tưởng tượng và ước mơ, đều có giới hạn và bất toàn?

🡪 Có thể có nhiều cách hiểu. Tuy nhiên có thể khẳng định những cung bậc cảm xúc khác nhau của “chị” và hành trình tìm kiếm tình yêu của “em” đã được Hoàng Cầm thể hiện tinh tế, khéo léo, bằng cách đặt “chị” và “em” vào các tình huống, cảnh ngộ giao tiếp, bày tỏ thái độ, cảm xúc khác nhau, từ đó để cho các hành vi, ngôn ngữ tự cất lên tiếng nói. Nhờ vậy, các đoạn thơ giàu tính gợi mở, đa nghĩa, không dễ nắm bắt.

**Câu 3:** Lá diêu bông vốn không có thực, không có tên trong từ điển sinh học; tuy nhiên trong bài thơ này, hình ảnh ấy là một sáng tạo của Hoàng Cầm, một biểu tượng quan trọng trong bài thơ.

🡪 Đó là hình ảnh gắn kết mọi sự việc, mọi mối quan hệ, mọi nhân vật vào một câu chuyện và là một biểu tượng đa nghĩa. Có thể hiểu lá diêu bông tượng trưng cho một tình yêu và hạnh phúc lí tưởng mà cả “chị” và “em” đều khát khao tìm kiếm. Khi đối mặt với hiện thực phũ phàng của tuổi trưởng thành và của đời sống hôn nhân, “chị” dần tan vỡ và buông bỏ ảo vọng về tình yêu lí tưởng đó, trong khi chủ thể trữ tình “em” từ chối buông bỏ và dùng cả cuộc đời để tiếp tục bảo vệ tình yêu này, dù có thể không phải dành cho “chị” nữa. 🡪 Hành trình đi tìm chiếc lá là hành trình người em tìm kiếm không chỉ tình yêu mà còn là bản ngã của chính mình và với người chị, thông qua người em, cũng là hành trình cô trưởng thành và hiểu thêm những ý nghĩa về tình yêu, về cuộc đời, về sự bất toàn của đời sống.

**Câu 4:** HS có thể tự do trình bày ấn tượng của mình về bài thơ (có thể liên quan đến nội dung, hình thức hay chủ đề của bài thơ) miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục, dựa trên kết quả đọc hiểu VB của chính các em.

TIẾNG VIỆT:LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

**1.** **Câu mơ hồ** là loại câu không rõ ràng về nghĩa.

**2. Một số loại câu mơ hồ thường gặp:**

- **Mơ hồ từ vựng**

*Ví dụ*: Chả ngon lắm.

*Phân tích lỗi*: Ở ví dụ trên, hiện tượng đồng âm (chả, - “một món ăn” và chả, - “chẳng/ không”) khiến câu mơ hồ về nghĩa.

*Cách sửa*: Thêm/ thay thế từ ngữ để câu rõ nghĩa. Ví dụ: (1) Món chả ngon lắm. (2) (Món này) không ngon lắm.

- **Mơ hồ cấu trúc**

*Ví dụ*: Đó là những nhận xét về bài viết của ông ấy.

*Phân tích lỗi*: Cụm danh từ “những nhận xét về bài viết của ông ấy” có sự nhập nhằng về cấu trúc: có thể coi cụm từ “của ông ấy” là một thành phần phụ bổ nghĩa cho “bài viết” (những nhận xét của người khác về bài viết của ông ấy), cũng có thể hiểu cụm từ này bổ nghĩa cho “những nhận xét” (những nhận xét của ông ấy về bài

viết). Điều này tạo nên sự mơ hồ về nghĩa cho cả câu.

*Cách sửa*: Thêm từ ngữ, điều chỉnh trật tự từ ngữ cho phù hợp. Ví dụ: Đó là những

nhận xét của ông ấy về bài viết.

- **Mơ hồ logic**

*Ví dụ*: Ba người mua ba cái áo.

*Phân tích lỗi*: Ở đây, không rõ cả ba người mua tổng cộng ba cái áo hay mỗi người

mua ba cái áo.

*Cách sửa*: Thêm từ ngữ để câu rõ nghĩa. Ví dụ: Cả ba người mua tổng cộng ba cái áo hoặc Có ba người, mỗi người mua ba cái áo.

**Lưu ý**: Trong thực tế, có những câu có thể mắc nhiều kiểu lỗi mơ hồ.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Bài tập 1:**

a. *Ba cô gái sống gần nhà tôi vừa trúng số tối qua.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu này, hiện tượng đồng âm (*ba1* - “cha” và *ba2* - “số ba (3)”) khiến câu mơ hồ về nghĩa. 🡪 Loại câu mơ hồ từ vựng.

- *Cách sửa*: Thêm từ ngữ để câu rõ nghĩa: *Ba* ***của*** *cô gái sống gần nhà tôi vừa trúng số tối qua./* ***Cả*** *ba cô gái sống gần nhà tôi vừa trúng số tối qua.*

b. *Chị ấy đã gặp con.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu trên, hiện tượng đa nghĩa của từ *con* (cách hiểu 1: người thuộc thế hệ sau trong quan hệ với người trực tiếp sinh ra (“chị ấy”), trường hợp này được hiểu là “con của chị ấy”; cách hiểu 2: từ “con” dùng để xưng hô khi giao tiếp với người trực tiếp sinh ra mình là “cha/ mẹ”, trường hợp này được hiểu là “con” đang thông báo với “cha/ mẹ” về việc *chị ấy đã gặp mình*) khiến câu mơ hồ về nghĩa 🡪 Loại câu mơ hồ từ vựng.

- *Cách sửa*: Thêm/ thay thế từ ngữ để câu rõ nghĩa: *Chị ấy đã gặp con của mình./ Mẹ ơi, chị ấy đã gặp con*.

c. *Cả nhà hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu trên, *hát* có thể là thành phần phụ bổ nghĩa cho từ *nhà*, làm thành từ *nhà hát* (công trình kiến trúc chuyên dùng làm nơi trình diễn các tiết mục nghệ thuật sân khấu cho công chúng xem); cũng có thể được hiểu là thành phần chính của cụm động từ “hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm”. Điều này tạo nên sự mơ hồ về nghĩa cho câu. 🡪 Loại câu mơ hồ cấu trúc.

- *Cách sửa*: Thêm từ ngữ cho câu rõ nghĩa hơn: *Cả nhà hát đang say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm./ Cả nhà đang hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm*.

d. *Nó khoe với tôi chiếc xe đạp mới mua hôm qua.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu trên, *mới* có thể được hiểu tính từ, bổ nghĩa cho danh từ *xe đạp*; cũng có thể hiểu là phụ từ, bổ sung ý nghĩa về thời gian cho động từ *mua*. Điều này tạo nên sự mơ hồ về nghĩa cho câu. 🡪 Loại câu mơ hồ cấu trúc.

*- Cách sửa*: Thêm từ ngữ, điều chỉnh trật tự từ ngữ cho câu rõ nghĩa hơn: *Nó khoe với tôi chiếc xe đạp mới mà nó mua hôm qua/ Nó khoe với tôi chiếc xe đạp mà nó mới mua hôm qua/ Hôm qua, nó khoe với tôi chiếc xe đạp mới mua,*…

đ. *Tuần trước, tôi nhìn thấy anh ấy trên đường đến thư viện.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu trên, không rõ là “tôi nhìn thấy anh ấy trên đường tôi đến thư viện” hay là “tôi nhìn thấy anh ấy trên đường anh ấy đến thư viện”. Đây là lỗi câu mơ hồ logic.

*- Cách sửa*: Thêm từ ngữ để câu rõ nghĩa: *Tôi nhìn thấy anh ấy trên đường tôi đến thư viện./ Tôi nhìn thấy anh ấy trên đường anh ấy đến thư viện.*

e. *Hôm qua, tôi rất bất ngờ về món quà của cô ấy.*

*- Phân tích lỗi*: Trong câu trên, có thể hiểu món quà ấy là của cô ấy, cô ấy là người nhận quà, nhưng cũng có thể hiểu món quà ấy là của cô ấy tặng cho “tôi”. Đây là lỗi câu mơ hồ logic.

*- Cách sửa*: Thay đổi một số từ ngữ để câu rõ nghĩa: *Hôm qua, tôi rất bất ngờ về món quà cô ấy tặng tôi./ Hôm qua, tôi rất bất ngờ về món quà cô ấy được tặng*.

**Bài tập 2:**

*- Điểm chung về lỗi câu mơ hồ:* Cả hai trường hợp a và b đều là những câu mơ hồ từ vựng. Nguyên nhân gây nên sự mơ hồ về nghĩa cho cả hai câu là do hiện tượng đồng âm của một số từ ngữ trong câu. Chẳng hạn như:

a. *Đây là phương thuốc độc nhất trên đời.* 🡪 *độc* trong kết hợp *độc nhất* có thể được hiểu theo hai nghĩa: 1) có tác dụng làm hại sức khoẻ hoặc làm cho chết, 2) chỉ có một mà thôi.

b. *Cây khế đầu hè đã chết rồi.* 🡪 *hè* trong kết hợp *đầu hè* có thể được hiểu theo hai nghĩa: 1) mùa hạ, 2) dải nền ở trước hoặc quanh nhà.

*- Cách sửa*: Thêm hoặc thay từ ngữ cho câu rõ nghĩa hơn:

a. *Đây là phương thuốc duy nhất trên đời.*/ *Đây là phương thuốc độc hại nhất trên đời.*

b. *Cây khế đầu mùa hè đã chết rồi.*/ *Cây khế đầu hè nhà mình đã chết rồi.*

**Bài tập 3:** HS tự thực hiện. Gợi ý

1. Ba mẹ con đi chợ chiều chưa về.

2. Rắn hổ mang bò lên núi.

3. Anh bộ đội bị hai vết thương: một vết ở cánh tay, một vết ở Đèo Ngang.

**Bài tập 4:**

a. Dòng thơ *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều* có thể được hiểu là:

- Cách 1: “Không có cả tiếng làng xa vãn chợ chiều”. Từ *đâu* trong trường hợp này được hiểu là từ phủ định (từ biểu thị ý phủ định về điều mà người nói muốn khẳng định dứt khoát là không hề có, không hề xảy ra). Ngay cả chút âm thanh ít ỏi của tiếng chợ chiều đã vãn ở làng xa cũng không tồn tại trong không gian ấy. Cách hiểu này càng tô đậm sự vắng vẻ, tĩnh lặng đến buồn bã của không gian.

- Cách 2: “Ở đâu đó có tiếng làng xa vãn chợ chiều”. Từ *đâu* trong trường hợp này là đại từ phiếm định. Không gian xung quanh vắng vẻ đến mức âm thanh ít ỏi của tiếng chợ chiều đã vãn ở làng xa cũng có thể nghe được. Vì thế có thể hiểu đây là thủ pháp quen thuộc của thơ ca truyền thống: lấy cái động để tả cái tĩnh. Từ phiếm định *đâu* giúp người đọc hình dung được nỗi khao khát được giao hoà của chủ thể trữ tình qua cái quay quắt tìm kiếm khắp không gian chút dấu hiệu cuộc sống sinh hoạt của con người dù bốn bề vắng vẻ, tĩnh lặng đến khôn cùng.

b. Đây không phải là lỗi câu mơ hồ mà là biểu hiện của tính đa nghĩa trong ngôn ngữ văn học. Đoạn trích trong bài tập là một khổ thơ của VB *Tràng giang* (Huy Cận). Vì vậy, việc dòng thơ *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều* có thể được hiểu theo nhiều cách là biểu hiện của tính đa nghĩa. Chính đặc điểm ấy giúp người đọc phát huy sự liên tưởng, tưởng tượng nhiều hơn trong khi đọc, đồng thời tạo nên một vẻ đẹp riêng của VB văn học.

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**CUỘC GẶP GỠ TÌNH CỜ**

**(Trích từ truyện *Đêm mười ba*)**

**Hi-gu-chi I-chi-y-ô**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả (sgk/50)**

**2. Tác phẩm**

- Thể loại: truyện ngắn.

- Xuất xứ: trích trong truyện *Đêm mười ba*

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**1. Những sự kiện chính của văn bản**

- Ô-sê-ki từ biệt cha mẹ, gọi xe về nhà, lòng nàng nặng trĩu nỗi buồn.

- Xe chạy được một lúc, người phu xe đột nhiên xin lỗi và từ chối kéo Ô-sê-ki đi tiếp. Nhưng rồi khi nhận ra những bất ổn mà người khách nữ có thể gặp phải ở một nơi vắng vẻ trong đêm tối, anh ta lại tiếp tục mời khách lên xe.

- Dưới ánh trăng, qua dáng vẻ và giọng nói của phu xe, Ô-sê-ki sửng sốt nhận ra đó là Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê, người mà nàng từng gắn bó, yêu thương và khao khát được làm vợ. Rô-ku-nô-su-kê cũng sửng sốt không kém và tự thấy rất xấu hổ về cách hành xử cũng như bộ dạng khốn khổ của mình.

- Trên đoạn đường còn lại, họ đi bộ và trò chuyện cùng nhau. Qua đó, Ô-sê-ki hiểu được tình cảnh sa sút, oái oăm của Rô-ku-nô-su-kê. Cũng có lúc Ô-sê-ki muốn cho anh biết về cuộc sống không hạnh phúc của mình, nhưng lại thôi. Tuy vậy, nàng tỏ ra hết sức cảm thông với tình cảnh khốn khó và nỗi buồn của anh.

- Trước lúc chia tay, Ô-sê-ki gửi biếu Rô-ku-nô-su-kê một ít tiền. Rô-ku-nô-su-kê hiểu và trân trọng tấm lòng nàng. Rồi họ chia tay nhưng có lẽ “cả hai đều nghĩ về nhau và biết rằng họ được chia sẻ nỗi buồn trong đời”.

**2. Thân phận, tính cách của Ô-sê-ki và Rô-ku-nô-su-kê**

Qua lời đối thoại của Rô-ku-nô-su-kê; lời đối thoại và độc thoại nội tâm của Ô-sê-ki; lời kể, bình luận, biểu cảm của người kể chuyện.

**a. Giống nhau**

Có chung một kí ức với những kỉ niệm thơ mộng, đáng nhớ; đều nuôi dưỡng, giữ gìn trong lòng những tình cảm và giấc mộng yêu thương thầm kín; đều phải kết hôn với người mình không yêu từ áp lực của gia đình hoặc hoàn cảnh khách quan; đều mang nặng nỗi buồn về một tình yêu dang dở, hiện tại bất như ý;…

**b. Khác nhau**

+ Cùng có một hôn nhân không tình yêu, tuy nhiên cách họ đi đến quyết định ấy khác nhau: Ô-sê-ki quyết định kết hôn vì muốn bảo vệ lợi ích của người thân, gia đình, nàng sẵn sàng hi sinh hạnh phúc của chính mình; còn với Rô-ku-nô-su-kê, đó lại là một quyết định sai lầm, vội vã vì nghe theo lời khuyên bảo, thúc giục của người thân.

+ Tuy cùng gánh chịu bất hạnh, buồn khổ, Ô-sê-ki chấp nhận lặng lẽ chịu đựng một mình, không nỡ và cũng không có cơ hội chia sẻ với ai; Rô-ku-nô-su-kê lại có nhiều phản ứng tiêu cực, sa vào cảnh chơi bời dẫn đến sa sút, nghèo khốn, gia đình li tán.

**-** Tính cách của nhân vật Ô-sê-ki: Bề ngoài tỏ ra lặng lẽ, cam phận nhưng trong ý thức, Ô-sê-ki hiểu thấu nỗi bất hạnh của mình nên luôn trĩu nặng nỗi buồn; là người phụ nữ Nhật Bản truyền thống, hiểu rõ bổn phận, hành xử đúng mực, trân quý tình yêu, mộng ước; nhạy cảm, vị tha, dễ cảm thông chia sẻ tình cảnh bất hạnh, nỗi buồn của người khác, nhưng cũng biết làm chủ hành vi và giới hạn cảm xúc của mình. 🡪 Các nét tính cách trên cho thấy Ô-sê-ki vừa đáng trọng, vừa đáng thương.

**-** Tính cách của nhân vật Rô-ku-nô-su-kê: Một chàng trai vốn xuất thân khá giả, có tình yêu trong sáng nhưng yếu đuối khi để mất tình yêu, địa vị của mình, càng về sau càng sa sút; một người đàn ông “không giống với người xấu”, nhưng sống buông thả, dễ sa ngã.

🡪 Các nét tính cách trên cho thấy Rô-ku-nô-su-kê vừa đáng thương, vừa đáng trách.

**3. Biểu hiện phong cách sáng tác của văn bản**

Cuộc gặp gỡ tình cờ (trích *Đêm mười ba*) được sáng tác trong bước chuyển từ trào lưu lãng mạn sang hiện thực của văn học Nhật Bản. Vì thế, VB có sự đan xen giữa các yếu tố của phong cách hiện thực và phong cách lãng mạn.

**4. Giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của văn bản**

+ Giá trị nhận thức: VB giúp bạn đọc hiểu về bộ mặt xã hội, gia đình đương thời, các nhân vật và số phận, tính cách của họ trong bối cảnh ấy; nhận thức về lẽ phải, điều tốt, xấu, cách hành xử phù hợp trong đời sống;…

+Giá trị giáo dục: VB đánh thức lòng nhân ái, cảm thông với số phận, cảm xúc,… của con người.

+ Giá trị thẩm mĩ: VB mang đến cho người đọc những rung động, tình cảm phù hợp trước cái đẹp trong cách hành xử, suy nghĩ của con người và cái đẹp của một truyện ngắn.

**4. Tổng kết**

**PHẦN III. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ.**

**I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**1. Kiểu bài**: Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.

**2. Yêu cầu đối với kiểu bài**

- Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

- Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.

- Có thể phân tích, trao đổi với những ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.

- Có bố cục gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.

+ Thân bài: Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.

+ Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.

**II.** **Hướng dẫn đọc ngữ liệu tham khảo (phân tích kiểu văn bản):** HS đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi

**1. Xác định bố cục và vấn đề được bàn luận trong bài viết**

**a. Mở bài**

Giới thiệu vấn đề cần bàn luận (Trách nhiệm của những người trẻ tuổi đối với đất nước)

**b. Thân bài**

- **Giải thích:** khái niệm *trách nhiệm đối với đất nước*

- **Bàn luận:** nêu luận điểm của người viết về vấn đề

\* Luận điểm: Trách nhiệm với Tổ quốc được đặt ra với những người trẻ tuổi vì họ giữ vai trò quan trọng đối với đất nước.

+ Lí lẽ 1: Họ đang ở độ tuổi trưởng thành, mang bao nhiệt huyết, ước mơ, lí tưởng, khát vọng khám phá và cống hiến; được trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng, phẩm chất, sức khoẻ để thực hiện hoài bão, làm chủ xã hội tương lai;

+ Lí lẽ 2: Họ nhanh nhạy, linh hoạt, dễ dàng thích nghi, bắt kịp với xu thế phát triển về khoa học công nghệ, kĩ thuật của thế giới.

+ Bằng chứng 1: Lịch sử dân tộc ghi nhận đã có không ít những lớp thanh niên dũng cảm dấn thân, hiến dâng tuổi xuân cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước trên tất cả các lĩnh vực.

+ Bằng chứng 2: Khi đất nước chuyển sang giai đoạn hội nhập với thế giới, một thế hệ trẻ lớn lên trong sự đủ đầy về vật chất đã nhanh chóng tiếp cận với khoa học, công nghệ và thông tin, tự tin trở thành những công dân toàn cầu và dù ở đâu họ cũng sẵn lòng cống hiến, đóng góp những ý tưởng khởi nghiệp táo bạo để phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- **Phê phán** những biểu hiện tiêu cực của vấn đề và trao đổi với người đọc để vấn đề được bàn luận khách quan hơn

- **Đề xuất** phương hướng hành động

**c. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề và đề xuất phương hướng hành động.

**III. Thực hành viết theo quy trình**

Đề bài: sgk/59

**1. Bước 1: Chuẩn bị viết**

a. Đọc kĩ đề bài, xác định đề tài, mục đích, người đọc và cách thức thực hiện bài viết.

- Chọn đề tài nghị luận nào?

- Mục đích của bài viết là gì?

- Người đọc bài viết của bạn là ai? Họ mong đợi điều gì từ bài viết của bạn?

- Đề tài ấy có khơi gợi được sự hứng thú, quan tâm của người đọc không? Vì sao?

- Với đối tượng và mục đích ấy, bạn nên chọn cách viết như thế nào cho hiệu quả?

b. Thu thập tư liệu cho bài viết

- Bạn tìm kiếm, thu thập tài liệu, ý tưởng qua các kênh và bằng cách nào, xoay quanh những nội dung nào? (tên, loại, nguồn, độ tin cậy, thông tin của tư liệu phục vụ cho bài viết …)

**2. Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

- Vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ mà tôi quan tâm là gì? Những nội dung/ khái niệm nào cần được giải thích?

- Quan điểm, ý kiến của tôi về đề tài này là gì?

- Tôi nên sử dụng những lí lẽ và bằng chứng gì để làm sáng tỏ luận điểm?

- Có (những) biểu hiện tiêu cực hay ý kiến trái chiều nào về đề tài mà tôi đang quan tâm? Quan điểm của tôi về (những) biểu hiện/ ý kiến đó là gì? Tôi sẽ trao đổi như thế nào với (những) biểu hiện/ ý kiến ấy?

- Tôi thay đổi nhận thức và hành động của bản thân như thế nào sau khi suy ngẫm, trao đổi cụ thể, toàn diện về vấn đề?

**b. Lập dàn ý**

- Chọn lọc và sắp xếp các ý vừa tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh, đảm bảo bố cục, trình tự hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục cho các luận điểm.

- Triển khai lí lẽ và bằng chứng tránh trùng lặp.

**3. Bước 3: Viết bài**

Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần chú ý:

+ Trình bày luận điểm rõ ràng, ngắn gọn. Kết hợp nêu luận điểm với lí lẽ, bằng chứng. Để tăng sức thuyết phục cho lí lẽ, có thể sử dụng trích dẫn, danh ngôn.

+ Tách đoạn hợp lí và sử dụng các phương tiện liên kết để tạo sự mạch lạc, chặt chẽ.

+ Có thể kết hợp với thuyết minh, tự sự, biểu cảm để tăng sức thuyết phục, hấp dẫn.

+ Có thể sử dụng một số cách để mở bài và kết bài ấn tượng như trích dẫn danh ngôn, nhận định liên quan đến đề tài; sử dụng hình ảnh có tính chất biểu tượng để so sánh, dẫn dắt; nêu câu hỏi có tính chất đối thoại, trao đổi với người đọc,…

+ Có thể trao đổi với các ý kiến khác nhau về đề tài để nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn. Lựa chọn lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để củng cố cho quan điểm của bản thân.

**4. Bước 4**: **Xem lại và chỉnh sửa**

Đọc lại bài viết, chỉnh sửa dựa theo bảng kiểm sgk/61

**PHẦN IV. NÓI VÀ NGHE**

***TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI***

***VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC***

1. **Tìm hiểu cách thực hiện kĩ năng nói và nghe**
2. **Trong vai trò người nói**

Bước 1: Chuẩn bị nói

* Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian

Bước 2: Trình bày bài nói

* Bám sát dàn ý, đảm bảo kết cấu của bài thuyết trình.
* Dùng thẻ ghi chú tóm tắt thông tin để dễ theo dõi
* Sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ, chú ý thời gian và tương tác tích cực với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

* Nghiêm túc lắng nghe, cầu thị, ghi nhận góp ý
* Chờ đến lượt, trao đổi nhã nhặn, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, tôn trọng khác biệt.
* Sử dụng bảng kiểm để đánh giá.

1. **Trong vai trò người nghe**

Bước 1: Chuẩn bị nghe

* Tìm hiểu đề tài của buổi thuyết trình, xác định điều đã biết và muốn biết thêm.
* Xác định những điều bạn đã biết về người thuyết trình
* Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.

Bước 2: Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm

* Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình.
* Chú ý những dấu hiệu phi ngôn ngữ
* Ghi chép, tóm tắt thông tin,…

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

* Đọc lại nội dung ghi chép
* Trao đổi ngắn gọn, rõ rang, tránh hỏi quá nhiều, chỉ trích, cần tôn trọng quan điểm người nói.

1. **Thực hành nói và nghe**
2. Chuẩn bị nói
3. Thực hành nói và nghe
4. Đánh giá, rút kinh nghiệm
5. **Luyện tập**

**PHẦN V. ÔN TẬP**